

TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO NHẪM GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC ĐBSCL HIỆN NAY

TS. Nguyễn Hồng Gấm¹

TÓM TẮT

Liên kết đào tạo là xu thế tất yếu trong giai đoạn hiện nay, bởi nó vừa đem lại lợi ích thiết thực cho người học vừa tạo điều kiện phát huy lợi thế nguồn lực của mỗi bên tham gia. Bên cạnh việc chỉ ra những mặt ưu điểm, mục tiêu chủ yếu của bài viết này là làm rõ thêm những bất cập, hạn chế trong hoạt động liên kết thời gian qua, đã ảnh hưởng không ít đến chất lượng và uy tín đào tạo của loại hình này. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số hàm ý giải pháp chủ yếu để các bên tham gia liên kết, đặc biệt là cơ sở chủ trì đào tạo nghiên cứu khắc phục làm cho hoạt động liên kết đào tạo ngày càng tốt hơn.

1. GIỚI THIỆU

Theo Thông tư số 07/2017/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về liên kết đào tạo trình độ đại học: “*Liên kết đào tạo là sự phối hợp giữa cơ sở giáo dục chủ trì đào tạo (CSCTĐT) với cơ sở giáo dục phối hợp đào tạo (CSPHĐT) hoặc cơ sở giáo dục đặt lớp đào tạo (CSĐLĐT) để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp theo hình thức vừa làm vừa học (VLVH)*”. Mục tiêu loại hình đào tạo này là thực hiện chủ trương đào tạo theo nhu cầu xã hội và huy động tiềm năng của các cơ sở giáo dục đại học và các nguồn lực khác để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trực tiếp cho nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương và vùng miền trên cả nước. Thông tư này cũng quy định, liên kết đào tạo được tổ chức theo 2 hình thức là liên kết phối hợp đào tạo và liên kết đặt lớp đào tạo. Liên kết phối hợp đào tạo là dạng liên kết mà theo đó CSPHĐT tham gia giảng dạy một phần chương trình đào tạo, phối hợp quản lý quá trình đào tạo và đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện liên kết đào tạo. Còn liên kết đặt lớp đào tạo là dạng liên kết mà theo đó CSĐLĐT không tham gia giảng dạy, chỉ phối hợp quản lý và đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện liên kết đào tạo.

Hiện nay, việc liên kết đào tạo có thể đã triển khai thực hiện cả trong và ngoài nước. Liên kết đào tạo trong nước được thực hiện giữa các cơ sở giáo dục đại học với nhau hoặc giữa cơ sở giáo dục đại học với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường của cơ quan nhà nước, trường của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, trường của lực lượng vũ trang nhân dân, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh.... Tham gia các chương trình liên kết này, học viên có thể được học chương trình và nhận bằng do trường đại học có cơ sở liên kết đó cấp. Liên kết đào tạo với nước ngoài là một hình thức đào tạo tiên tiến đang được nhiều trường áp dụng, không chỉ dành cho hệ giáo dục đại học mà còn dành cho hệ giáo dục sau đại học. Liên kết đào tạo nước ngoài hiện đang được tổ chức đào tạo theo các hình thức: một là hình thức học toàn bộ khóa học tại Việt Nam lấy bằng (hoặc chứng chỉ) của nước ngoài; hai là học tại Việt Nam và bằng do hai bên cùng cấp hoặc; ba là chương trình được chia thành hai giai đoạn, học ở Việt Nam và cả nước ngoài với thời lượng học khác nhau...

Có thể nói, liên kết đào tạo là một mô hình trong hệ thống giáo dục quốc dân nhằm tạo cơ hội học tập thuận lợi cho toàn xã hội. Nhờ cách làm này, nhiều người ở vùng sâu, vùng

¹ Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ

xa; nhiều người bận làm việc, không có thời gian... cũng có cơ hội học tập lên cao. Liên kết đào tạo không phải là một hình thức mới trong ngành giáo dục và nó đang ngày càng phát triển do nhu cầu học tập của các cá nhân đang ngày càng cao. Không chỉ có liên kết đào tạo ở các ngành nghề hấp dẫn như tài chính, kế toán, ngoại ngữ, loại hình liên kết đào tạo còn mở rộng cho khối kỹ thuật, thậm chí phát triển nhanh ở cả lĩnh vực dạy nghề.

2. THỰC TRẠNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO Ở ĐBSCL THỜI GIAN QUA

2.1. Lao động qua đào tạo và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)

Theo số liệu thống kê năm 2015, ĐBSCL hiện có dân số khoảng 17,6 triệu người; số lao động từ 15 tuổi trở lên của vùng khoảng 10,4 triệu người, chiếm 57,3% dân số của vùng và 19,2% lực lượng lao động cả nước. Mặc dù nguồn lực lao động khá dồi dào nhưng lại kém về chất lượng. Số lao động qua đào tạo chuyên môn chiếm tỉ lệ thấp nhất nước, chỉ có 11,4%, trong khi cả nước là 19,9% và Tây Nguyên là 13,3%. Sinh viên đại học và sau đại học của toàn vùng cũng chỉ chiếm hơn 4% dân số ở độ tuổi từ 20 đến 24 tuổi. Khảo sát thực tế của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho biết thêm, số lao động tại ĐBSCL đã qua đào tạo được cấp bằng gồm: sơ cấp có 1,4%, trung cấp có 2,2%, cao đẳng có 0,9% và chỉ có 2,1% số lao động có bằng đại học. Nguồn lao động chất lượng cao của vùng cũng ở mức rất khiêm tốn, bình quân toàn vùng chỉ có 5,1 bác sĩ/10.000 dân; 0,64 dược sĩ/10.000 dân (cả nước là 7,5 bác sĩ/10.000 dân và 1,6 dược sĩ/10.000 dân), Giáo sư và Phó Giáo sư hiện đang làm việc tại ĐBSCL còn rất hạn chế, chưa đầy 0,003% trên tổng dân số dân. Trong khi đó bình quân cả nước là 0,027%. Từ thực trạng như vậy, ĐBSCL được xếp cuối cùng trong 6 vùng kinh tế của cả nước.

Bảng Dân số và lao động các vùng kinh tế trên cả nước đến năm 2015

	Dân số trung bình (1.000 người)	Lao động ≥15 tuổi (1.000 người)	Lao động đang làm việc (%)	Lao động đã qua đào tạo (%)
CẢ NƯỚC	91.713,3	53.984,2	57,6	19,9
Đồng bằng sông Hồng	20.925,5	11.992,3	56,1	27,5
Trung du và miền núi phía Bắc	11.803,7	7.527,0	63,1	17,0
Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung	19.658,0	11.775,1	58,5	19,4
Tây Nguyên	5.607,9	3.415,8	60,3	13,3
Đông Nam bộ	16.127,8	8.939,4	54,0	25,3
Đồng bằng sông Cửu Long	17.590,4	10.334,6	57,3	11,4

Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2016

2.2 Năng lực đào tạo nguồn nhân lực của vùng thời gian qua

ĐBSCL hiện có 17 trường đại học và 36 trường cao đẳng với 6.606 giảng viên cơ hữu đứng chân trên địa bàn của 11 tỉnh, trong đó có 7 trường được phép đào tạo sau đại học; bình quân khoảng 1,2 triệu dân có 1 trường đại học. Bên cạnh đó, ĐBSCL còn có 22 trường cao đẳng nghề, 35 trường trung cấp, tất cả các huyện đều có trung tâm giáo dục thường xuyên. Lượng sinh viên theo học hàng năm là 157.000 sinh viên, bình quân có 92 sinh viên/10.000 dân (bình quân cả nước là 192 sinh viên/10.000 dân). Hiện nay, Trường Đại học Cần Thơ là trường giữ vai trò chủ lực trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho toàn vùng. Qui mô đào tạo hiện tại của Trường gồm 30.375 sinh viên hệ chính quy; 12.826 sinh

viên hệ VLVH đào tạo tại các đơn vị liên kết; 6.434 học viên hệ đào tạo từ xa. Hiện nay, đào tạo sau đại học được xem là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường với quy mô là 2.825, trong đó có 370 nghiên cứu sinh và 2.455 học viên cao học. Tính đến thời điểm hiện tại, đã tốt nghiệp là 96 tiến sĩ và 8.886 thạc sĩ. Nhìn chung, quy mô đào tạo có tăng nhanh nhưng cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và đội ngũ giảng viên còn hạn chế cả về chất lượng và số lượng. Nhà trường và doanh nghiệp chưa gắn kết với nhau tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận thực tế, thực tập tại công ty theo chuyên ngành được đào tạo... Đây là điều trăn trở, bức xúc, thúc đẩy các cơ sở đào tạo tìm đến nhau để hợp tác, liên kết đào tạo.

2.3. Liên kết đào tạo phát triển nguồn nhân lực ở ĐBSCL

Cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ của ĐBSCL dẫn đến ngành nghề mới xuất hiện ngày càng đa dạng. Từ đó, các cơ sở đào tạo đều phải tiến hành liên kết với nhau để đa dạng hóa ngành nghề nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội, làm cho các chương trình liên kết và cơ sở liên kết đào tạo trong khu vực ĐBSCL đang ngày càng gia tăng. Nhiều trường đại học hiện có từ 20 cơ sở liên kết đào tạo trở lên. Các loại hình liên kết phổ biến nhất là giữa trường đại học với trường đại học (chiếm khoảng 82%); kế đến là giữa trường đại học với các cơ sở đào tạo nghề, giữa trường đại học với trường cao đẳng (tỷ lệ này tương ứng là 19,5%). Hình thức liên kết chủ yếu là mở lớp mới, ngành mới hoặc liên thông từ cấp học thấp lên cấp học cao hơn tại các cơ sở phối hợp đào tạo và cơ sở đặt lớp đào tạo. Các nhóm ngành phổ biến được nhiều trường lựa chọn liên kết là công nghệ thông tin, xây dựng, công nghệ sinh học, kế toán kiểm toán, quản trị kinh doanh, tài chính ngân hàng, du lịch - khách sạn - nhà hàng ... Các ngành liên quan mật thiết với lợi thế của vùng như trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản... ít được quan tâm.

Trường Đại học Cần Thơ là cơ sở giáo dục công lập đứng đầu trong khu vực về liên kết. Tính đến nay, Trường đã có quan hệ hợp tác với 64 cơ sở giáo dục gồm các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm dạy nghề trong và ngoài vùng ĐBSCL. Đào tạo 25 ngành với quy mô sinh viên hiện có là hơn 14.000 sinh viên đối với hệ VLVH và 8.000 sinh viên đối với hệ đào tạo từ xa. Cùng với trường Đại học Cần Thơ, trường Đại học Trà Vinh cũng là một trong số ít cơ sở giáo dục công lập có mối quan hệ liên kết đào tạo trình độ đại học và sau đại học gần khắp cả nước, trong đó có ĐBSCL. Không chỉ có các trường đại học công lập, các trường đại học ngoài công lập và hàng loạt trường cao đẳng cùng đua nhau mở rộng vùng liên kết, tuyển sinh về vùng sâu, vùng xa góp phần giải quyết nhu cầu học tập đa dạng của người dân địa phương cũng như phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, năng lực phù hợp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong vùng.

2.4 Những hạn chế, tồn tại trong liên kết đào tạo ở ĐBSCL

Bên cạnh những cái được, liên kết đào tạo ĐBSCL vẫn còn nhiều vấn đề cần quan tâm chấn chỉnh. Cụ thể như:

Một là, nội dung chương trình, ngành nghề đào tạo còn chậm đổi mới cho phù hợp với nhu cầu xã hội và đối tượng học tập. Thời gian qua, các cơ sở đào tạo trong vùng chủ yếu đào tạo theo thế mạnh vốn có hoặc những ngành nghề có tính “thời thượng” chưa thực sự tập trung đào tạo nguồn nhân lực để phục vụ thế mạnh của vùng.

Hai là, chưa có một cơ chế ràng buộc về mặt pháp lý đối với các cơ sở đào tạo trong xây dựng chương trình theo phương pháp tiếp cận năng lực để phù hợp đáp ứng nhu cầu của xã hội. Tính ràng buộc khả dĩ nhất là đào tạo theo địa chỉ sử dụng, cử tuyển và liên kết giữa các trường với địa phương. Nhìn chung, những đối tượng và hình thức đào tạo này chỉ có tính cập

nhật, bổ túc kiến thức, mang tính đại trà, chưa thật sự hướng vào đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Ba là, giữa các cơ sở đào tạo thiếu tiếng nói chung về xác định ngành nghề đào tạo nên trong liên kết đào tạo còn nhiều bất cập; mục đích của quá trình liên kết chưa thực sự chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo, mà chủ yếu là nhằm đa dạng hóa các loại hình, mở rộng quy mô đào tạo và tăng nguồn thu nhập cho cơ sở đào tạo. Hệ quả là một số ngành đào tạo có xu hướng sụt giảm sinh viên, thậm chí có ngành không tuyển đủ lớp do không có người học.

Bốn là, sự phối hợp giữa cơ sở đào tạo và đơn vị liên kết còn nhiều bất cập trong điều phối kế hoạch giảng dạy và quản lý sinh viên. Đơn vị liên kết thường xuyên bị động trong bố trí phòng học, phương tiện phục vụ giảng dạy. Nhiều giảng viên bị trùng giờ, trùng lớp nên không thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy. Việc thực hiện kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ chưa đảm bảo theo quy định.

3. GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

Nhằm khắc phục những hạn chế tồn tại, tác giả đề xuất thực hiện đồng các giải pháp như:

Một là, Hoàn thiện quy chế quản lý hoạt động liên kết đào tạo. Quy chế quản lý liên kết đào tạo là cơ sở pháp lý cho việc phối hợp tổ chức hoạt động liên kết đào tạo giữa CSCTĐT và các cơ sở đối tác. Nó phải thể hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia hoạt động liên kết. Trong đó, cần chú ý phân quyền quản lý nhiều hơn cho đơn vị liên kết trong điều phối kế hoạch giảng dạy cũng như quản lý học tập của sinh viên.

Hai là, Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực, đối tượng người học và nhu cầu của xã hội. Đổi mới nội dung chương trình đào tạo cũng như sách giáo khoa dành cho sinh viên theo hình thức VLVH để phù hợp với đối tượng học tập có tính đặc thù. Bên cạnh đó cần đầu tư nghiên cứu nhu cầu đào tạo, phát triển ngành nghề để cơ cấu tuyển sinh cho phù hợp với mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của từng địa phương cũng như toàn vùng.

Ba là, Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng. Bên cạnh việc tăng cường bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, các cơ sở đào tạo cần đẩy mạnh hơn nữa quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy theo phương pháp tích cực góp phần tác động để chuyển đổi thái độ học tập thụ động sang chủ động, tự học của sinh viên VLVH. Việc đánh giá kết quả học tập (thi, kiểm tra) cần đi vào thực chất, thể hiện chính xác những kết quả mang lại từ khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên hệ VLVH, tránh tình trạng đánh giá sinh viên mang tính hình thức, qua loa, đại khái, quân bình chủ nghĩa.

Bốn là, Phối hợp khai thác hiệu quả nguồn lực của các bên cho hoạt động giảng dạy phục vụ giảng dạy. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, cơ sở dữ liệu học tập... tạo điều kiện cho sinh viên học tập nghiên cứu, góp phần thay đổi từ phương pháp học thụ động sang phương pháp học chủ động của sinh viên trong đào tạo theo hình thức VLVH. Mặt khác, cần khai thác đội ngũ giảng viên tại các CSPHĐT đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Nên ủy thác cho đơn vị một số học phần phù hợp cũng như đưa những giảng viên này vào danh sách dự phòng (giảng viên 2) để sẵn sàng thay thế giảng viên chính thức (giảng viên 1) khi cần thiết để tránh tình trạng bỏ giờ, trùng giờ của giảng viên ...

Năm là, Tăng cường kết nối giữa CSCTĐT với CSPHĐT và CSĐLĐT để nâng cao

hiệu quả quản lý hoạt động giảng dạy cũng như học tập của sinh viên. Sau mỗi đợt học tổ chức cho học viên lấy ý kiến nhận xét về công tác giảng dạy của giảng viên đặc biệt là về việc thực hiện nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm. Đối với phối hợp quản lý hoạt động học tập của sinh viên thì cần xây dựng được quá trình tự đào tạo, làm cho học viên. Trước mỗi khóa học tổ chức cho học viên học tập, cam kết thực hiện tốt quy chế đào tạo. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp, thành lập ban cán sự lớp. Thường xuyên kiểm tra việc tham gia học tập của học viên. Thường xuyên liên lạc với cơ sở để nắm bắt tình hình thực tế của học viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo;

KẾT LUẬN

Liên kết đào tạo theo hình thức VLVH trong các cơ sở đào tạo là một mô hình đào tạo không thể thiếu trong hệ thống giáo dục quốc dân. Liên kết đào tạo góp phần bồi dưỡng, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung, vùng ĐBSCL nói riêng. Đặc biệt, liên kết đào tạo giúp khai thác một cách triệt để và hiệu quả nguồn lực hạ tầng giáo dục của CSCTĐT cũng như đơn vị liên kết. Để nâng cao chất lượng đào tạo liên kết theo hình thức VLVH, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay là rất cần thiết, các bên hữu quan trong liên kết cần thực hiện đồng bộ các giải pháp như: công tác tuyển sinh, công tác quản lý giảng dạy và học tập, công tác quản lý kiểm tra, đánh giá, quản lý cơ sở vật chất, tài chính cũng như sự phối hợp giữa các đơn vị trong liên kết cũng như sự nỗ lực không ngừng của người học. Tác giả hy vọng rằng, với việc thực hiện tốt các giải pháp đề xuất sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho việc nâng cao chất lượng đào tạo liên kết theo hình thức VLVH ở ĐBSCL hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *"Quy định về liên kết đào tạo trình độ đại học"* ban hành theo Thông tư số 07/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017.

[2] UBND TP Cần Thơ, báo Tuổi Trẻ, Trường ĐH Tây Đô (2011). *Liên kết đào tạo để phát triển "vùng trũng"*. Hội thảo "Đào tạo nguồn nhân lực trình độ ĐH có chất lượng theo nhu cầu xã hội vùng ĐBSCL tầm nhìn đến năm 2020".

[3] Lê Quốc Khánh (2017). *"Liên kết để nâng cao chất lượng đào tạo"*. <http://www.daidoanket.vn/tin-tuc/xa-hoi/lien-ket-de-nang-cao-chat-luong-dao-tao-357471>.

[4] <http://ctc.ctu.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh/vua-lam-vua-hoc/don-vi-lien-ket>.